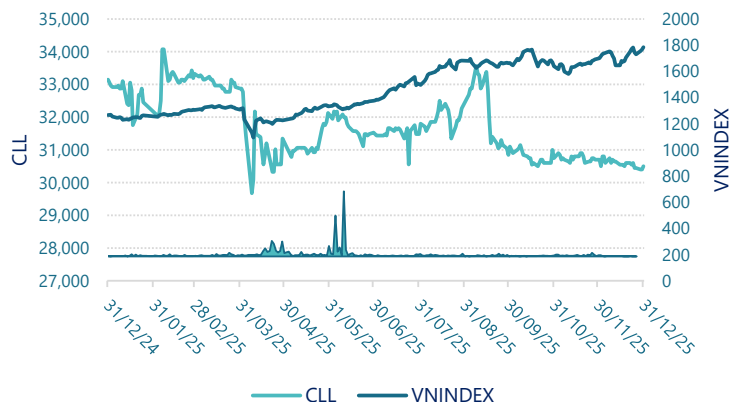




CTCP Cảng Cát Lái (HSX: CLL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,074
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,676
SL cổ phiếu LH	34,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,015
% sở hữu nước ngoài	4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,037
P/E	10.4
EPS	2,926

DT thuần

Q4/25

91.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.5 | -12.9%

YoY: ▼1.80 | -1.9%

LN sau thuế

Q4/25

19.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.1 | -38.6%

YoY: ▼6.50 | -25.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

32.5%

+/- YoY: ▼ 5.9%

DT thuần

2025

398

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.0 | 23.4%

LN sau thuế

2025

104

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.80 | 5.1%

ROE

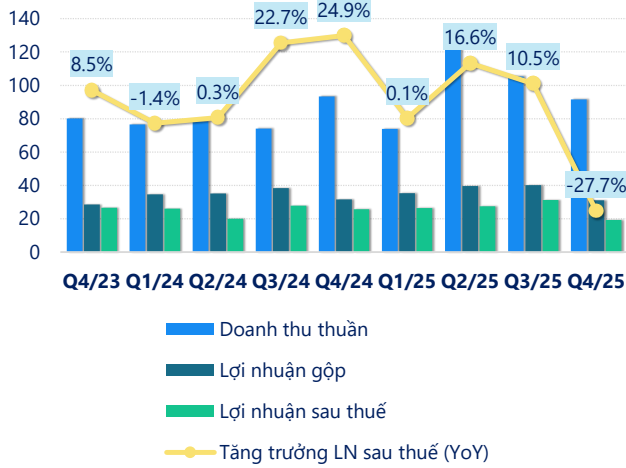
2025

15.9%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

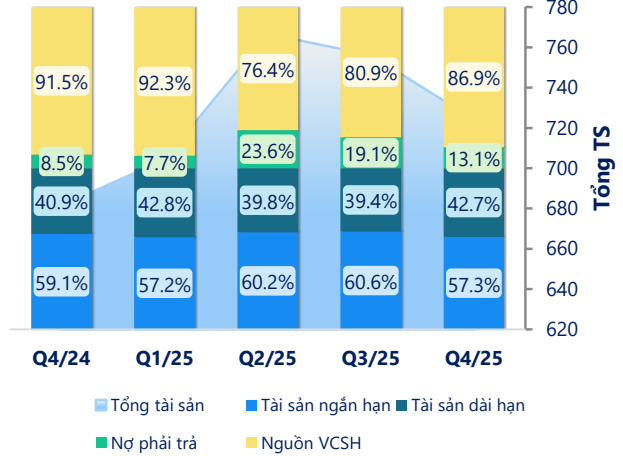
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

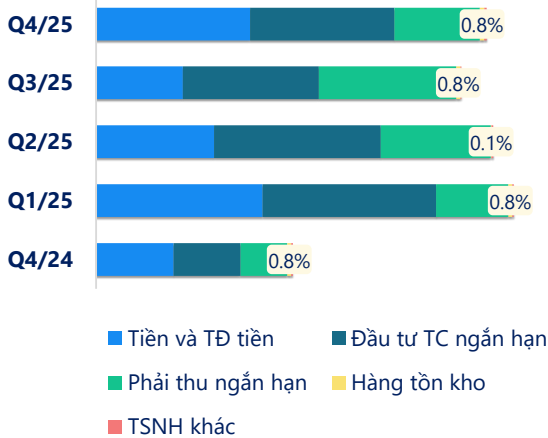
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



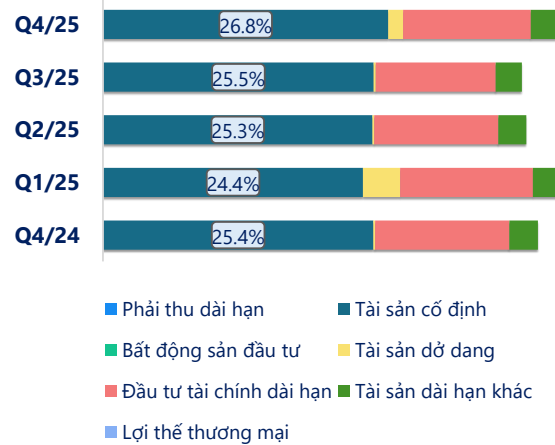
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

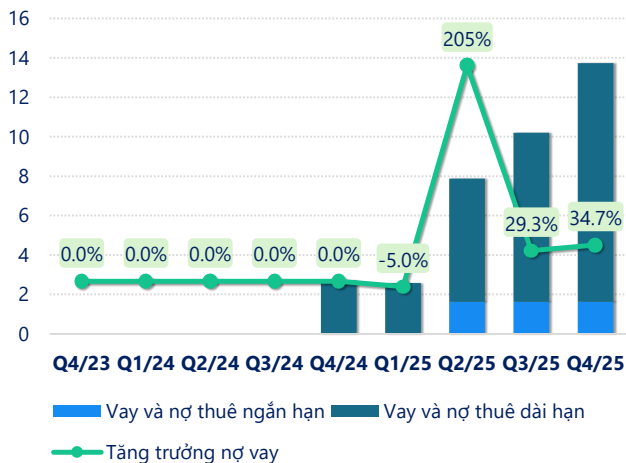
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

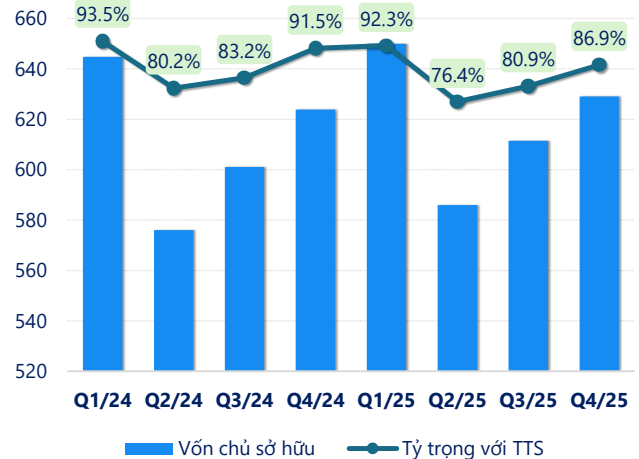
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



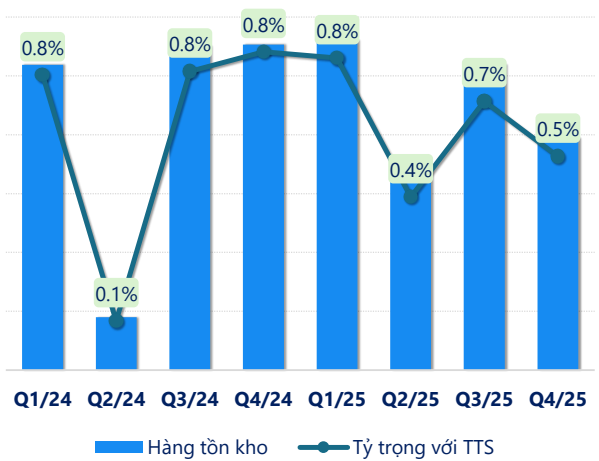
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

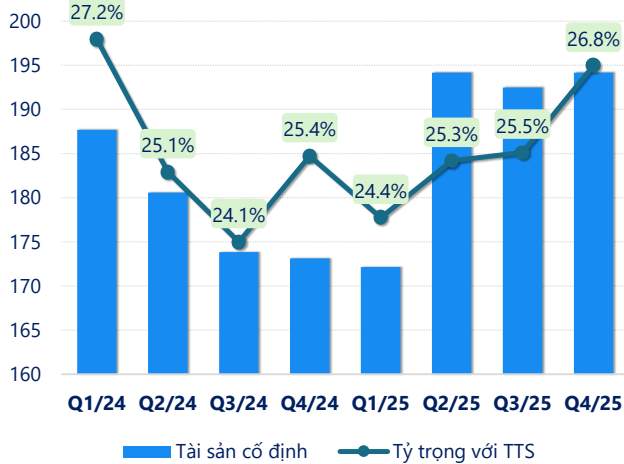

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


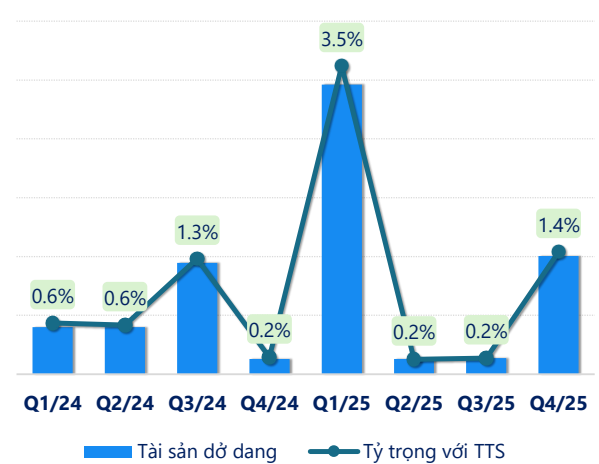
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

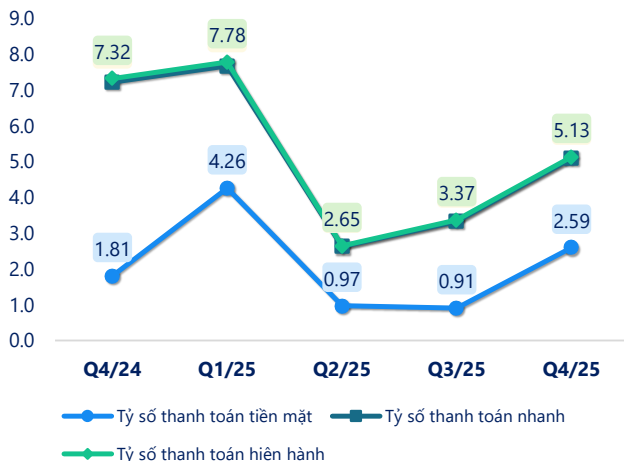
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

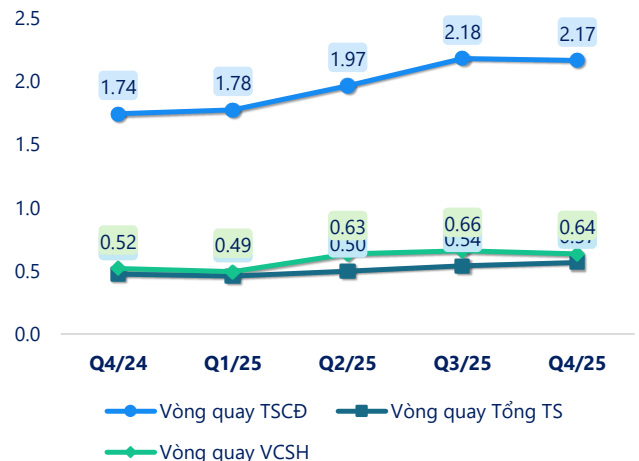
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	682	704	767	756	724
Tài sản ngắn hạn	403	403	462	458	415
Tiền và tương đương tiền	99.5	220	170	123	210
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185	80.0	110	111	111
Phải thu ngắn hạn	110	93.9	176	218	87.8
Hàng tồn kho	5.53	5.60	3.38	5.19	3.94
Tài sản ngắn hạn khác	3.23	3.10	1.68	1.41	2.98
Tài sản dài hạn	279	301	305	298	309
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.10
Tài sản cố định	173	172	194	192	194
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.30	24.6	1.29	1.38	10.0
Đầu tư tài chính dài hạn	86.0	87.9	89.5	85.3	87.0
Tài sản dài hạn khác	18.3	16.6	20.1	18.6	17.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	57.8	54.4	181	145	95.2
Nợ ngắn hạn	55.1	51.8	174	136	80.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	1.63	1.63	1.63
Phải trả người bán ngắn hạn	30.8	30.4	40.3	47.8	54.2
Nợ dài hạn	2.72	2.58	6.25	8.54	14.3
Vay và nợ thuê dài hạn	2.72	2.58	6.25	8.56	12.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	624	650	586	611	629
Vốn chủ sở hữu	624	650	586	611	629
Vốn điều lệ	340	340	340	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)